TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2020/DS-ST
Ngày: 05-3-2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Trần Lệ Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm: 1955 (thường gọi là Thường)

Bà **Đoàn Thị M**, sinh năm: 1961

Hộ khẩu thường trú: Số 724 Mạc Cửu, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, TP.Rạch Giá, Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: đường kinh N3, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Bé Kiều, sinh năm: 1986

Hộ khẩu thường trú: Số 724 Mạc Cửu, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, TP.Rạch Giá, Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: đường kinh N3, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

-Người làm chứng: 1. Bà **Lê Thị Thanh Kim**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: khu phố Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Lê Hoàng Nam**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T, bà M, ông Thường, bà Kiều, bà Kim, ông Nam

có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 11/6/2014 bà Đoàn Thị M và ông Nguyễn Văn Tr có đến nhà ông và mượn số tiền 35.000.000 đồng. Khi mượn hai bên có làm giấy mượn nợ và không tính lãi suất. Khi đó vợ chồng bà M có hứa đến tháng 08/2014 sẽ trả đủ cho ông số tiền trên. Đến ngày hẹn ông có yêu cầu vợ chồng bà M trả cho ông số tiền 35.000.000 đồng trên nhưng vợ chồng bà M nói chưa có và hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả. Ngày 4-6-2019 ông đã nộp đơn yêu cầu khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm hòa giải và tại đây ông Tr bà M có thừa nhận nợ nhưng đến nay vẫn không trả nợ này cho ông.

Đến ngày 28/01/2019 ông có mượn dùm vợ chồng bà M số tiền 20.000.000 đồng. Ông có ký giấy nhận nợ với người cho vay. Vợ chồng bà M có hứa 01 tháng sao sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả ông đồng nào. Số tiền này ông đưa bà M ông Tr trên xe buýt tại Bến xe Rạch Giá vào tháng 01-2019. Khi đưa có bà Kim và ông Nam chứng kiến. Chiều cùng ngày, sau khi đưa tiền cho bà Mãnh ông Tr thì ông lấy lại 2.000.000 đồng để đóng tiền góp cho bà Kim. Nên nay ông yêu cầu ông Tr bà Mãnh trả 18.000.000 đồng. Việc bà Mãnh ông Tr khai cho bà Kiều 18.000.000 đồng là không đúng sự thật. Ông đưa tiền ông Tr bà Mãnh là do ông bà mượn của ông vì vậy ông mới phải mượn tiền của bà Kim để có tiền đưa cho vợ chồng ông Trường bà Mãnh. Ông thừa nhận trước đây ông cũng có quen biết tình cảm với con gái ông Trường bà Mãnh tên là Kiều từ năm 2013 đến năm 2019, trong thời gian đó thì ông cũng có cho tiền Kiều, những lần cho tiền Kiều thì ông đưa trực tiếp. Còn số tiền 18.000.000 đồng này là tiền ông Trường bà Mãnh mượn của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Đoàn Thị Mãnh và ông Nguyễn Văn Trường phải trả cho tôi số tiền 53.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ ngày mượn cho đến khi bà Mãnh với ông Trường trả xong.

Tại phiên tòa ông T có ý kiến: Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Trường và bà Đoàn Thị Mãnh trả số tiền nợ 53.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường bà Đoàn Thị Mãnh trình bày:**

Đối với số tiền 35.000.000 đồng ông bà thừa nhận có mượn của ông T và có làm biên nhận nợ. Mượn số tiền này để cho con gái ông bà xoay sở trả nợ. Tuy nhiên khoảng 3 tháng sau ngày mượn ông bà có trả cho T 13.000.000 đồng. Thời điểm trả tiền cho ông T giữa hai bên không có làm giấy tờ giao nhận gì và cũng không có ai chứng kiến biết việc trả tiền này.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng theo trình bày của ông T cho rằng ông bà mượn là không có. Chỉ có 01 lần không nhớ rõ thời gian, T đưa cho ông bà 18.000.000 đồng, do lúc đó T đang phải lái xe Bus nên nhờ ông bà chuyển dùm cho Nguyễn Thị Bé Kiều (là con ruột của ông bà). Vì lúc đó T và Kiều yêu thương nhau nên T nhờ chuyển tiền cho Kiều, và việc T nhờ chuyển cho Kiều để làm gì thì ông bà không rõ. Còn ông bà không có nhờ T mượn tiền của ai hết. Số tiền 18.000.000 đồng do ông Thường chở bà Mãnh ra tận xe buýt tại Bến xe Rạch Giá để nhận tiền vào khoảng tháng 4/2019 dương lịch. Lúc nhận tiền thì ông T là người trực tiếp cầm tiền đưa cho bà Mãnh, thời điểm đó không có ai chứng kiến.

Nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền còn nợ lại là 22.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì thời điểm mượn hai bên không có thỏa thuận lãi suất.

Tại phiên tòa ông Trường và bà Mãnh có ý kiến: ông bà chỉ chấp nhận trả ông T số tiền còn nợ là 22.000.000 đồng. Đối với số tiền 18.000.000 đồng ông bà có nhận từ ông T vào khoảng cuối năm 2018 âm lịch (đầu năm 2019 dương lịch) nhưng mà do ông T nhờ ông bà chuyển cho bà Kiều chứ không phải tiền vay mượn nên không đồng ý trả.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé Kiều có ý kiến**:

Ông Trường bà Mãnh là ba mẹ ruột của bà. Còn ông Nguyễn Văn T trước đây có quan hệ tình cảm với nhau như vợ chồng với bà từ năm 2014 đến năm 2019, nay không còn qua lại với nhau nữa. Bà có biết việc ba mẹ bà có mượn tiền của T số tiền 35.000.000 đồng, ba mẹ bà có trả được cho ông T 13.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T trước đây nói là không lấy nữa mà cho ba mẹ luôn. Ngoài ra ba mẹ tôi không có mượn ông T khoản tiền nào khác. Khoảng đầu năm 2019 ông Tùng có cho bà số tiền

18.000.000 đồng để tôi trang trải nợ nần riêng bên ngoài, lúc đó bà đang ở xa. Ông Tùng có nhờ bà mẹ bà nhận để gởi cho bà.

Tại phiên tòa bà Kiều có ý kiến: thống nhất theo trình bày của ông Trường bà Mãnh.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ vay 35.000.000 đồng; đối với số tiền 18.000.000 đồng do không có cơ sở xác định là tiền vay mượn giữa hai bên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét là yêu cầu đòi lại tài sản và ông Trường bà Mãnh thừa nhận có nhận tiền thì phải hoàn trả ông Tùng 18.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại số đường Kinh N3, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 35.000.000 đồng, hai bên thực hiện giao dịch vào năm 2014, có cam kết tháng 8/2014 trả. Đến tháng 6-2019 ông Tùng có khởi kiện tại khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm và bị đơn có thừa nhận số nợ, nên đối với yêu cầu này vẫn còn trong thời hiệu giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn Tùng và bà Đoàn Thị Mãnh ông Nguyễn Văn Trường là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*". Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 53.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ vay 35.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất về thời gian vay tiền là ngày 11/6/2014, xác lập bằng "Giấy mượn nợ" có chữ ký của ông Trường bà Mãnh, số tiền

vay là 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã trả được cho ông Tùng là 13.000.000 đồng. Lời khai này của ông Trường bà Mãnh không được nguyên đơn thừa nhận và ông Trường bà Mãnh không có chứng cứ chứng minh đã trả 13.000.000 đồng cho ông Tùng. Do vậy, ông Trường bà Mãnh đã nhận tiền bằng giao dịch vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Tùng theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với số tiền 18.000.000 đồng mà ông Tùng yêu cầu bà Mãnh ông Trường trả, không được bị đơn thừa nhận. Ông Tùng cho rằng số tiền mà ông vay của bà Kim là 20.000.000 đồng, đã đưa ông Trường bà Mãnh mượn có sự chứng kiến của bà Lê Thị Thanh Kim và ông Lê Hoàng Nam. Sau khi đưa tiền thì chiều cùng ngày ông có nhận lại 2.000.000 đồng từ bà Mãnh để đóng tiền góp cho bà Kim tháng đầu tiên nên số tiền bà Mãnh ông Trường thực tế mượn là 18.000.000 đồng. Bà Mãnh ông Trường không thừa nhận giao dịch vay tiền giữa ông bà với ông Tùng đối với số tiền 18.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Kim xác nhận ngày 28/01/2019 có người đàn ông và một phụ nữ đến tại xe buýt ở Bến xe Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền 20.000.000 đồng mà ông Tùng mượn của bà để cho hai người kia mượn. Tại phiên tòa bà Kim xác nhận được chính ông Trường bà Mãnh (người có mặt tại phiên tòa) là người nhận tiền của ông Tùng tại bến xe Rạch Giá, lúc đó có mặt bà và ông Lê Hoàng Nam. Ông Nam và bà Kim không có mâu thuẫn gì với bà Mãnh ông Trường và cũng không có quan hệ thân thích với ông Tùng. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng bà Mãnh và ông Trường thừa nhận có nhận từ ông Tùng số tiền 18.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là nhận dùm bà Kiều và không chứng minh được ông Tùng cho bà Kiều. Tại phiên tòa bà Kiều xác nhận là đầu năm 2019 ông Tùng có cho bà số tiền 18.000.000 đồng và nhờ ông Trường bà Mãnh nhận dùm và chuyển cho bà. Tuy nhiên, do bà Kiều với ông Trường bà Mãnh có quan hệ thân thích nên lời khai không đảm bảo tính khách quan và không thể sử dụng làm chứng cứ chứng minh cho trình bày của bị đơn.

Do đó, có căn cứ xác định ông Trường bà Mãnh nhận từ ông Tùng số tiền 18.000.000 đồng là có thật, thời điểm nhận tiền là đầu năm 2019. Tuy nhiên, không có cơ sở để xác định việc giao nhận tiền là vay mượn nên không có cơ sở để xác định là có giao dịch vay tài sản giữa hai bên. Việc chuyển giao tài sản từ ông Tùng qua bà Mãnh ông Trường là có thật, ông Tùng có quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự và ông Trường bà Mãnh phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho ông Tùng theo quy định tại khoản 4 Điều 275, Điều 280 Bộ luật dân sự.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các tình tiết, chứng cứ trong hồ sơ. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Trường và bà Đoàn Thị Mãnh có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn Tùng số tiền nợ vay 35.000.000 đồng và hoàn trả lại ông Tùng số tiền đã nhận là 18.000.000 đồng, tổng cộng 53.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm trả ông Tùng rút yêu cầu tại phiên tòa, xét thấy việc rút yêu cầu của ông Tùng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, án phí trên số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là: 53.000.000 đồng x 5% = 2.650.000 đồng.

Xét ông Trường thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Bà Đoàn Thị Mãnh phải nộp ½ án phí là 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn Tùng được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0009549, ngày 16-10-2019 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 36; 39; 91; 147; 266; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 166, khoản 4 Điều 275, 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tùng về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường bà Đoàn Thị Mãnh.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Trường và bà Đoàn Thị Mãnh có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Tùng số tiền 53.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả dứt số nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả của ông Tùng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đoàn Thị Mãnh phải nộp án phí là 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn Trường được miễn tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn Tùng được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0009549, ngày 16-10-2019 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Rạch Giá.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-3-2020).

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-3-2020).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN | CHỦ TỌA PHIÊN TÒA